TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 523/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 8- 2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đắc Hân

2. Bà Nguyễn Thị Hương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hả xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2017/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện T nguyên đơn là Chị Đoàn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với Anh Nguyễn Văn T năm 2009 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố H vào ngày 21 tháng 7 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên uống rượu rồi về gây sự dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra

đánh cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Tđã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn kéo dài trầm trọng, chị không thể chung sống với anh Tđược nữa, nên tháng 10 năm 2016 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn 3, xã T, huyện T sinh sống và vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị T khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn Anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Đoàn Thị T trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân M, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2010 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2011. Trường hợp chị và Nguyễn Văn T ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết để Anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng con chung; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh Ttự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại Tòa án, Anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với Chị Đoàn Thị T năm 2009 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố H vào ngày 21 tháng 7 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng có xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn 3, xã T, huyện T, thành phố H sinh sống từ tháng 10 năm 2016, vợ chồng anh sống ly thân nhau từ đó đến nay. Anh đã nhiều lần khuyên bảo chị T nhưng chị T không về, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cũng được gia đình hòa giải nhưng cũng không có kết quả. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nay anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ và không muốn ly hôn vì còn tình cảm.

Về con chung: Anh Ttrình bày vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân Mvà Nguyễn Thị Trà My. Hiện nay hai con đang do anh Ttrực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp vợ chồng anh ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết để anh tiếp tục nuôi hai con. Về cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị chị T cấp dưỡng 2.000.000đồng/ tháng để nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Ttrình bày vợ chồng có tài sản chung bao gồm 20.000.000đồng tiền cho người khác vay và 20.000.000đồng tiền đóng phường. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng anh theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn Chị Đoàn Thị T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; bị đơn là Anh Nguyễn Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự. Về con chung và tài sản chung đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Giấy khai sinh của con; bản sao Căn cước công dân mang tên Đoàn Thị T; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn; biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân T, huyện T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là Chị Đoàn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là Anh Nguyễn Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa Chị Đoàn Thị T và Anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nay Chị Đoàn Thị T khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và Anh Nguyễn Văn T không còn, đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn Anh Nguyễn Văn T, Anh Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn vì anh còn tình cảm với chị T. Theo tài liệu xác minh thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Tdo tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, mặt khác Anh Nguyễn Văn T thường xuyên uống rượu, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị T và anh Tđã được gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Chị Đoàn Thị T và Anh Nguyễn Văn T đã sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Như vậy thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Tđã kéo dài và trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của Chị Đoàn Thị T, cho Chị Đoàn Thị T được ly hôn Anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Chị Đoàn Thị T và Anh Nguyễn Văn T có hai con chung tên Nguyễn Thị Xuân M, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2010 và Nguyễn Thị Trà M,, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2011. Khi ly hôn chị T và anh Tđều đề nghị Tòa án giải quyết để cho Anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi hai con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn T đề nghị chị T cấp dưỡng 2.000.000đồng/ tháng để nuôi con, quam điểm của Chị Đoàn Thị T để vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Anh Nguyễn Văn T, Chị Đoàn Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/tháng kể từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Văn T trình bày vợ chồng có tài sản chung tổng số tiền là 40.000.000đồng, khi ly hôn đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập Anh Nguyễn Văn T để làm thủ tục giải quyết việc chia tài sản chung nhưng anh Tđều vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu Anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Đoàn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Đoàn Thị T được ly hôn Anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho Anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Thị Xuân M, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2010 và Nguyễn Thị Trà M,, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2011 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đoàn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng với Anh Nguyễn Văn T mỗi tháng 2.000.000đồng kể từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi con đủ 18 và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu Chị Đoàn Thị T chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền Chị Đoàn Thị T phải nộp là 600.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000876 ngày 20 tháng 04 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng; Chị Đoàn Thị T phải nộp thêm 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T, h. T, thành phố H;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Phạm Công Hạ – Bùi Đình Hùng	**Lê Thị Sự**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thuỷ Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Mạnh

2. Ông Hoàng Đắc Hân

Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 12 tháng 8 năm 2016, tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số 266/2016/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2016 về việc "Ly hôn"giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Tính, sinh năm 1993; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn Niêm Ngoại, xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Tùng, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 6, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1.Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 227; 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009,

Kết quả biểu quyết: 3/3

2.Về nội dung vụ án: Xử :

- Chị Đỗ Thị Tính được ly hôn anh Đỗ Văn Tùng

- Về con chung: Chị Đỗ Thị Tính và anh Đỗ Văn Tùng không có con chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết
- Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Tính và anh Đỗ Văn Tùng không có tài chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Kết quả biểu quyết: 3/3

3.Về các vấn đề khác:

- Về án phí: Chị Đỗ Thị Tính phải nộp 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000057 ngày 26 tháng 5 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị Tính đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Đắc Hân - Đỗ Văn Mạnh	**Khúc Trọng Quang**
HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
	Khúc Trọng Quang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Trần Hữu Văn – Đào Hữu Dự

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Khúc Trọng Quang

Nơi nhận:
- TAND Tp Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã (TT) nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang